

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10TY (Bắc sĩ Thú Y)

Môn Học Toán cao cấp B1 (202112-01)

CBGD Đặng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10212005	NGUYỄN QUANG CHÍNH			5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10212004	NGUYỄN THÀNH CÔNG			5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10212064	BAN VĂN ĐẠT			5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10212009	NGUYỄN THỊ NGUYỄN HẠNH			6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10212013	NGUYỄN BẢO HOÀI			7	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10212014	PHẠM SỸ HOÀNG			6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10212015	TRẦN ĐÌNH HOÀNG			8	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10212018	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG			✓	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10212019	NGUYỄN QUỐC HƯƠNG			6	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10212020	NGUYỄN MINH KHÔI			✓	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10212022	BÙI THỊ LOAN			✓	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10212025	TRẦN DUY LỘC			✓	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10212026	ĐỖ KIM MINH			8	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10212028	PHAN LÊ NHẬT MINH			6	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10212031	MAI THÀNH NHÂN			✓	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10212035	PHAN THÁI PHÚC			✓	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10212036	TRẦN HOÀNG PHƯỚC			7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10212037	PHẠM NGÔ ANH QUÂN			✓	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10212038	NGUYỄN PHÚ QUÍ			✓	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10212041	NGUYỄN ĐỨC SINH			8	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10212042	TRƯƠNG VĂN SƠN			7	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10212043	NGUYỄN TRƯỜNG DUY TÂN			7	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10212045	NGUYỄN DUY THANH			✓	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10212048	LA QUANG THỊNH			5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10212050	NGUYỄN THUẦN			7	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10212053	NGUYỄN THÀNH THƯƠNG			✓	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10212055	BÙI NHẬT TIẾN			5	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10212054	ĐỖ NGỌC TIẾN			6	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10212056	VĂN QUỐC TRÂM			8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10212057	THÁI TRỌNG TRI			5	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10212066	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH			5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10212058	HUYỀN VĂN TUẤN			5	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Toán cao cấp B1 (202112-01)

CBGD Đặng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tổ chấm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10212059	NGUYỄN KHÁNH VĂN			5	1 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
34	10212061	TRẦN XUÂN VƯƠNG			✓	2 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
35	10212062	LÊ MINH XUYỀN			5	3 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
36	10212063	TRẦN NHƯ Ý			✓	4 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Hóa học đại cương (202301-02)

CBGD Nguyễn Văn Đồng (502)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10212001	NGUYỄN TUẤN ANH		<i>anh</i>	7	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
2	10212002	TỴ YẾN ANH		<i>yanh</i>	6	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
3	10212008	PHẠM ANH ĐỨC		<i>duc</i>	8	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
4	10212009	NGUYỄN THỊ NGUYỄN HẠNH		<i>hanh</i>	7	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
5	10212010	NGUYỄN THÁI HẬU		<i>hau</i>	8	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
6	10212011	BÙI HỒ ANH HIẾU		<i>hiu</i>	5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
7	10212020	NGUYỄN MINH KHÔI			✓	1 () 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
8	10212022	BÙI THỊ LOAN			✓	1 () 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
9	10212025	TRẦN DUY LỘC			✓	1 () 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
10	10212027	NGUYỄN ĐỨC MINH		<i>minh</i>	7	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
11	10212031	MAI THÀNH NHÂN			✓	1 () 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
12	10212032	TRẦN THẾ NHÂN		<i>thanh</i>	6	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
13	10212033	TRẦN QUAN NHE		<i>nhe</i>	7	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
14	10212034	HOÀNG ĐẠI NHON		<i>nhon</i>	7	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
15	10212035	PHẠM THAI PHÚC			✓	1 () 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
16	10212036	TRẦN HOÀNG PHƯỚC		<i>phuc</i>	5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
17	10212037	PHẠM NGÔ ANH QUÂN			✓	1 () 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
18	10212038	NGUYỄN PHÚ QUI			✓	1 () 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
19	10212045	NGUYỄN DUY THANH			✓	1 () 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
20	10212048	LA QUANG THỊNH		<i>thinh</i>	6	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
21	10212053	NGUYỄN THÀNH THƯƠNG			✓	1 () 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
22	10212059	NGUYỄN KHÁNH VÂN		<i>van</i>	8	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
23	10212060	TRẦN XUÂN VINH		<i>xuan</i>	6	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
24	10212061	TRẦN XUÂN VƯƠNG			✓	1 () 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
25	10212062	LÊ MINH XUYỀN		<i>xuyen</i>	00,0	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
26	10212063	TRẦN NHƯ Y			✓	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
27						1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
28						1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
29						1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
30						1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
31						1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
32						1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Sinh học đại cương (202401-02)

CBGD Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10212005	NGUYỄN QUANG CHỈNH		<i>[Signature]</i>	3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10212004	NGUYỄN THÀNH CÔNG		<i>[Signature]</i>	3	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10212011	BÙI HỒ ANH		<i>[Signature]</i>	4	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10212016	TRỊNH MINH HOÀNG		<i>[Signature]</i>	3	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10212020	NGUYỄN MINH KHÔI			✓	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10212022	BÙI THI LOAN			✓	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10212025	TRẦN DUY LỘC			✓	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10212027	NGUYỄN ĐỨC MINH		<i>[Signature]</i>	5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10212032	TRẦN THẾ NHÂN		<i>[Signature]</i>	5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10212033	TRẦN QUAN NHE		<i>[Signature]</i>	4	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10212034	HOÀNG ĐẠI NHON		<i>[Signature]</i>	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10212035	PHẦN THÁI PHÚC			✓	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10212037	PHẠM NGÔ ANH QUÂN			✓	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10212038	NGUYỄN PHÚ QUI			✓	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10212045	NGUYỄN DUY THANH			✓	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10212046	LÊ QUANG THÀNH		<i>[Signature]</i>	4	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10212050	NGUYỄN THUẬN		<i>[Signature]</i>	3	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10212051	NGÔ QUỐC THUẬN		<i>[Signature]</i>	5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10212053	NGUYỄN THÀNH THƯƠNG			✓	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10212059	NGUYỄN KHÁNH VĂN			✓	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10212061	TRẦN XUÂN VƯƠNG			✓	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10212062	LÊ MINH XUYẾN		<i>[Signature]</i>	3	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10212063	TRẦN NHƯ Y			✓	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03808

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10TY (Bác sĩ Thú Y)

Môn Học Anh văn 1 (213601-35)

CBGD Nguyễn Thanh Dung (T374)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10212005	NGUYỄN QUANG	CHÍNH	<i>[Signature]</i>	Năm	1 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	10212007	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	DUY	<i>[Signature]</i>	Tám	2 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
3	10212015	TRẦN ĐÌNH	HOÀNG	<i>[Signature]</i>	Tám	3 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
4	10212016	TRÌNH MINH	HOÀNG	<i>[Signature]</i>	Tám	4 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
5	10212020	NGUYỄN MINH	KHÔI		✓	5 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6	10212022	BÙI THỊ	LOAN		✓	6 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7	10212025	TRẦN DUY	LỘC		✓	7 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8	10212035	PHAN THÁI	PHÚC		✓	8 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9	10212037	PHẠM NGÔ ANH	QUÂN		✓	9 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10	10212038	NGUYỄN PHÚ	QUÍ		✓	10 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11	10212043	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	TÂN	<i>[Signature]</i>	Tám	11 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
12	10212045	NGUYỄN DUY	THÀNH		✓	12 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13	10212046	LÊ QUANG	THÀNH	<i>[Signature]</i>	Tám	13 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
14	10212047	DIỆP QUANG	THÀNH	<i>[Signature]</i>	Tám	14 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
15	10212050	NGUYỄN	THUẬN	<i>[Signature]</i>	Tám	15 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
16	10212052	PHẠM QUANG	THUỘC	<i>[Signature]</i>	Tám	16 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
17	10212053	NGUYỄN THÀNH	THƯƠNG		✓	17 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18	10212055	BÙI NHẬT	TIẾN	<i>[Signature]</i>	Tám	18 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
19	10212054	ĐỖ NGỌC	TIẾN	<i>[Signature]</i>	Tám	19 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
20	10212066	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRÌNH	<i>[Signature]</i>	Năm	20 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21	10212058	HUỲNH VĂN	TUẤN	<i>[Signature]</i>	Bảy	21 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22	10212059	NGUYỄN KHÁNH	VĂN		✓	22 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23	10212061	TRẦN XUÂN	VƯƠNG		✓	23 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24	10212063	TRẦN NHƯ	Y		✓	24 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						25 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						26 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						27 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						28 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						29 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						30 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						31 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						32 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10